

Số: 101/CV-VTS/2024

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 05 năm 2024

**BÁO CÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN
GIAO DỊCH KÝ QUỸ THÁNG 04/2024**

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam

Công ty cổ phần chứng khoán Việt Thành xin báo cáo Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ tháng 04/2024 như sau:

I. Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ trên Sở GDCK Hà Nội

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
1	ADC	HOM		ADC
2	AME	NVB		AME
3	BDB			BDB
4	BSC			BSC
5	BST			BST
6	BVS			BVS
7	CAP			CAP
8	CPC			CPC
9	CTB			CTB
10	D11			D11
11	DAD			DAD
12	DAE			DAE
13	DHP			DHP
14	DHT			DHT
15	DNC			DNC
16	DNP			DNP
17	DTD			DTD
18	DXP			DXP

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
19	GMX			GMX
20	HAD			HAD
21	HBS			HBS
22	HCC			HCC
23	HJS			HJS
24	HLC			HLC
25	HLD			HLD
26	HOM			HTC
27	HTC			HUT
28	HUT			IDV
29	IDV			INC
30	INC			INN
31	INN			KST
32	KST			LBE
33	LBE			LHC
34	LHC			LIG
35	LIG			MBS
36	MBS			MCC
37	MCC			MCF
38	MCF			MDC
39	MDC			NAG
40	NAG			NBP
41	NBP			NET
42	NET			NFC
43	NFC			NTP
44	NTP			PBP
45	NVB			PCE
46	PBP			PMC

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
47	PCE			PMS
48	PMC			POT
49	PMS			PPP
50	POT			PSC
51	PPP			PSD
52	PSC			PSE
53	PSD			PSW
54	PSE			PTS
55	PSW			PVC
56	PTS			PVI
57	PVC			PVS
58	PVI			RCL
59	PVS			S55
60	RCL			S99
61	S55			SAF
62	S99			SD5
63	SAF			SD9
64	SD5			SDC
65	SD9			SDN
66	SDC			SGC
67	SDN			SHN
68	SGC			SJ1
69	SHN			SLS
70	SJ1			SMN
71	SLS			STC
72	SMN			TA9
73	STC			TDN
74	TA9			THD

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
75	TDN			THS
76	THD			THT
77	THS			TIG
78	THT			TNG
79	TIG			TTC
80	TNG			TV4
81	TTC			TVD
82	TV4			VBC
83	TVD			VC3
84	VBC			VC6
85	VC3			VC7
86	VC6			VCC
87	VC7			VCS
88	VCC			VGS
89	VCS			VNC
90	VGS			VNR
91	VNC			VTV
92	VNR			WCS
93	VTV			
94	WCS			

2. Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ trên Sở GDCK TPHCM

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
1	AAA	VNE		AAA
2	ACB			ACB
3	ACC			ACC
4	ACL			ACL
5	AGG			AGG
6	ANV			ANV
7	ASM			ASM
8	BBC			BBC
9	BCG			BCG
10	BFC			BFC
11	BIC			BIC
12	BID			BID
13	BMC			BMC
14	BMI			BMI
15	BMP			BMP
16	BRC			BRC
17	BSI			BSI
18	BTP			BTP
19	BTT			BTT
20	BVH			BVH
21	BWE			BWE
22	CAV			CAV
23	CCI			CCI
24	CCL			CCL
25	CDC			CDC
26	CII			CII
27	CLC			CLC
28	CLL			CLL

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
29	CLW			CLW
30	CMG			CMG
31	CMV			CMV
32	CMX			CMX
33	CNG			CNG
34	COM			COM
35	CRC			CRC
36	CSM			CSM
37	CSV			CSV
38	CTD			CTD
39	CTF			CTF
40	CTG			CTG
41	CTS			CTS
42	CVT			CVT
43	D2D			D2D
44	DBC			DBC
45	DBD			DBD
46	DBT			DBT
47	DCL			DCL
48	DCM			DCM
49	DGC			DGC
50	DGW			DGW
51	DHA			DHA
52	DHC			DHC
53	DHG			DHG
54	DIG			DIG
55	DPG			DPG
56	DPM			DPM
57	DPR			DPR

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
58	DRC			DRC
59	DSN			DSN
60	DTT			DTT
61	DVP			DVP
62	DXG			DXG
63	EIB			EIB
64	ELC			ELC
65	FCM			FCM
66	FMC			FMC
67	FPT			FPT
68	FTS			FTS
69	GAS			GAS
70	GDT			GDT
71	GEG			GEG
72	GEX			GEX
73	GMD			GMD
74	GSP			GSP
75	GTA			GTA
76	GVR			GVR
77	HAH			HAH
78	HAP			HAP
79	HAX			HAX
80	HCM			HCM
81	HDB			HDB
82	HDC			HDC
83	HDG			HDG
84	HHS			HHS
85	HHV			HHV
86	HPG			HPG

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
87	HSG			HSG
88	HQC			HQC
89	HRC			HRC
90	HSL			HSL
91	HTI			HTI
92	HTL			HTL
93	HTN			HTN
94	HTV			HTV
95	HUB			HUB
96	HVH			HVH
97	IDI			IDI
98	IJC			IJC
99	ILB			ILB
100	IMP			IMP
101	ITC			ITC
102	KBC			KBC
103	KDC			KDC
104	KDH			KDH
105	KSB			KSB
106	L10			L10
107	LBM			LBM
108	LCG			LCG
109	LGC			LGC
110	LIX			LIX
111	LSS			LSS
112	MBB			MBB
113	MSN			MSN
114	MWG			MWG
115	NAF			NAF

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
116	NBB			NBB
117	NCT			NCT
118	NHA			NHA
119	NHH			NHH
120	NLG			NLG
121	NNC			NNC
122	NSC			NSC
123	NT2			NT2
124	NTL			NTL
125	OPC			OPC
126	PAC			PAC
127	PAN			PAN
128	PC1			PC1
129	PDN			PDN
130	PDR			PDR
131	PET			PET
132	PGC			PGC
133	PGD			PGD
134	PGI			PGI
135	PHR			PHR
136	PJT			PJT
137	PLX			PLX
138	PNJ			PNJ
139	POW			POW
140	PVD			PVD
141	PVT			PVT
142	RAL			RAL
143	REE			REE
144	SAB			SAB

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
145	SAM			SAM
146	SBA			SBA
147	SBT			SBT
148	SC5			SC5
149	SCR			SCR
150	SFG			SFG
151	SFI			SFI
152	SGN			SGN
153	SHA			SHA
154	SHB			SHB
155	SHI			SHI
156	SHP			SHP
157	SJS			SJS
158	SMB			SMB
159	SRC			SRC
160	SSC			SSC
161	SSI			SSI
162	ST8			ST8
163	STB			STB
164	STK			STK
165	SVC			SVC
166	SVI			SVI
167	SVT			SVT
168	SZC			SZC
169	SZL			SZL
170	TBC			TBC
171	TCB			TCB
172	TCH			TCH
173	TCL			TCL

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
174	TCM			TCM
175	TCO			TCO
176	TCT			TCT
177	TDM			TDM
178	THG			THG
179	TIP			TIP
180	TIX			TIX
181	TLG			TLG
182	TMP			TMP
183	TMS			TMS
184	TNI			TNI
185	TNC			TNC
186	TPB			TPB
187	TRA			TRA
188	TRC			TRC
189	TV2			TV2
190	TVS			TVS
191	TVT			TVT
192	UIC			UIC
193	VIB			VIB
194	VCB			VCB
195	VCF			VCF
196	VCG			VCG
197	VCI			VCI
198	VDP			VDP
199	VGC			VGC
200	VHC			VHC
201	VHM			VHM
202	VIX			VIX

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
203	VND			VND
204	VNE			VNG
205	VNG			VNM
206	VNM			VPB
207	VPB			VPD
208	VPD			VPG
209	VPG			VPI
210	VPI			VRC
211	VRC			VRE
212	VRE			VSC
213	VSC			VSI
214	VSI			VTB
215	VTB			VTO
216	VTO			YBM
217	YBM			

Đường link đăng tải thông tin nói trên tại website của công ty:

<http://vts.com.vn/hoat-dong-vts/danh-muc-chung-khoan-thuc-hien-ky-quy-thang-04-nam-2024/vi-VN/25/145356/75.aspx>

Chúng tôi cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của báo cáo này.

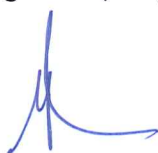
Kính báo cáo Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam.

Người lập
(ký, ghi rõ họ tên)



LÊ HOÀNG QUÂN

Kiểm soát
(ký, ghi rõ họ tên)



HỒ TRẦN NGỌC ANH



Tổng Giám đốc
(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



NGUYỄN THỊ CẨM VIÊN